

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa Bà Võ Thị Kim C
với Ông Nguyễn Văn G”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Vũ.

2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện D, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 07 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Bà Võ Thị Kim C trình bày: Năm 1998, bà và Ông Nguyễn Văn G quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung: Cháu Võ Hoài L, sinh ngày 24/6/2000, đã trưởng thành. Năm 2002, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Gấp thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, vợ con, sau đó ông Gấp bỏ đi và hiện tại đã chung sống với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân hơn 17 năm qua, không ai quan tâm đến ai, nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Gấp.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung, Cháu Võ Hoài L, sinh ngày 24/6/2000, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Do ông Gấp vắng mặt, bà Cương thống

nhất tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Ông Nguyễn Văn G được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho Bà Võ Thị Kim C được ly hôn với Ông Nguyễn Văn G; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu Võ Hoài L, sinh ngày 24/6/2000, đã trưởng thành; Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của Bà Võ Thị Kim C thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Ông Nguyễn Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt ông Gấp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa Bà Võ Thị Kim C và Ông Nguyễn Văn G là hợp pháp. Bà Cương và ông Gấp tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Cương và ông Gấp cũng có thời gian ngắn chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Gấp có người phụ nữ khác, không lo cho gia đình, vợ chồng ly thân đã hơn 17 năm không thể hàn gắn được, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Cương và ông Gấp đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Cương, cho bà được ly hôn với ông Gấp là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Võ Hoài L, sinh ngày 24/6/2000, đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Do ông Gấp vắng mặt nên tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim C phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Võ Thị Kim C. Cho ly hôn giữa bà Cương và Ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Võ Hoài L, sinh ngày 24/6/2000, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012881 ngày 11 tháng 12 năm 2019 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh